



Đóng góp của Phật giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

ISSN: 2734-9195

08:25 12/09/2025

Đóng góp của Phật giáo là những minh chứng cho tinh thần yêu nước chân chính của Phật giáo Việt Nam hòa mình trong dòng chảy lịch sử dân tộc.

Tác giả: **TS. Trần Hồng Quyền (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Quan điểm của Đảng về tôn giáo trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc (tộc người), đa tôn giáo. Mỗi một tôn giáo có đặc điểm, phạm vi ảnh hưởng và tác động chính trị-xã hội khác nhau. Nhận định đúng đắn vai trò của các tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngay từ những ngày đầu mới thành lập, Đảng luôn xác định đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo là việc cốt yếu của Đảng.

Trong giai đoạn 1930-1945, Đảng chủ trương quan tâm đến lợi ích chính đáng của đồng bào tôn giáo, nhất quán trong vấn đề đảm bảo quyền bình đẳng cho đồng bào có đạo cũng như đồng bào không có đạo. Trong Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng đã ban hành ngày 18/11/1930 Về vấn đề thành lập Hội Phản đế đồng minh đã nêu rõ: “Bảo đảm tự do tín ngưỡng của quần chúng, đập tan luận điệu phản tuyên truyền cộng sản là vô chính phủ, vô gia đình, vô tôn giáo” (2). Quán triệt chủ trương đúng đắn của Đảng về tôn giáo khối đoàn kết dân tộc được xây dựng, phát huy trong cuộc khởi nghĩa dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã mở ra cho dân tộc ta một kỷ nguyên mới-kỷ nguyên độc lập, tự do và đi lên CNXH. Từ những ngày đầu thành lập chính quyền, Đảng, Nhà nước và nhân dân đã phải đương đầu nhiều thử thách: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm kéo về từ tứ phía trên khắp tổ quốc.

Xung đột tôn giáo cũng là một mối lo bởi kẻ thù dễ lợi dụng mâu thuẫn này để chống đối chính quyền cách mạng. Tình thế cách mạng đòi hỏi Đảng phải kịp thời đề ra những chủ trương đúng đắn nhằm xây dựng và bảo vệ chính quyền non trẻ. Trong đó nhiệm vụ trọng tâm là phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, phân hóa kẻ thù, chĩa mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm nhất, để giữ vững nền độc lập, tự do vừa giành được.

Một ngày sau khi đọc *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 3/9/1945, tại Bắc Bộ phủ Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ tọa phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ. Sau khi phân tích bối cảnh tình hình đất nước, nhận định những thuận lợi, khó khăn, Hội nghị đã xác định những nhiệm vụ *cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*. Trong sáu nội dung cấp bách, có hai nội dung trực tiếp bàn về tôn giáo và đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc: “*Vấn đề thứ ba*: Tất cả các công dân trai gái 18 tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tín ngưỡng, giòng giống”; “*Vấn đề thứ sáu*: Thực dân phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để dễ bề thống trị; tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: *Tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết*” (3). Ngày 20/9/1945, Chính phủ lâm thời đã ban hành Sắc lệnh số 35 Về việc tôn trọng và không được xâm phạm chùa, lăng, tẩm của tôn giáo. Ngày 18/12/1945, Chính phủ ký Sắc lệnh số 22, ấn định những ngày Tết, ngày kỷ niệm lịch sử và tôn giáo. Từ đó, các tôn giáo có ngày chính thức tổ chức lễ kỷ niệm chung cho sinh hoạt cộng đồng, ghi dấu ấn vào trang lịch sử của đồng bào có tôn giáo. Trong bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (năm 1946), Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân được khẳng định trong phần Lời nói đầu và Điều 10 Hiến pháp đã khẳng định: “quyền tự do tín ngưỡng là một trong các quyền cơ bản của công dân” (4).

“Nhiệm vụ cấp bách của chính quyền cách mạng”, ngày 3/9/1945; Sắc lệnh số 35 ngày 20/9/1945; Hiến pháp năm 1946 là những văn kiện tiêu biểu trong chặng đường đầu xây dựng luật pháp về tôn giáo. Đó cũng là những bước thể chế hóa chủ trương của Đảng về tôn giáo, đặt cơ sở cho xây dựng, phát triển của các tôn giáo, hoạt động tôn giáo trong thời kỳ cách mạng tiếp theo. Việc ban hành kịp thời chủ trương lãnh đạo tôn giáo trong những ngày đầu sau khi chính quyền cách mạng mới ra đời thể hiện sự nhìn nhận, đánh giá đúng đắn vai trò của tôn giáo và đoàn kết tôn giáo trong sự nghiệp cách mạng. Từ đó động viên tinh thần đồng bào có đạo vui mừng phấn khởi, tin tưởng Đảng, Nhà nước, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ chế độ mới.

Tháng 12-1946, sau nhiều nỗ lực để duy trì hòa bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, khẳng định một thực tế rằng: “Chúng ta

muốn hòa bình chúng ta phải nhân nhượng”, “nhưng càng nhân nhượng thì thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng muốn cướp nước ta một lần nữa” (5). Người kêu gọi đồng bào cả nước: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc” (6) *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* là lời hiệu triệu toàn quốc đồng bào đoàn kết nhất trí đứng lên chống lại thực dân Pháp xâm lược bảo vệ hòa bình, độc lập của đất nước, đồng thời còn là thông điệp khẳng định tinh thần đoàn kết, gắn kết, không phân biệt thành phần dân tộc, tôn giáo, đảng phái để cứu Tổ quốc, chính là mục tiêu lớn nhất. Tư tưởng cốt lõi, quan trọng nhất của *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* là quyền công dân, trách nhiệm Tổ quốc nhưng cũng đồng thời khẳng định biên độ tập hợp tối đa trong công tác dân vận, tập hợp quần chúng và lãnh đạo đất nước. Nhất quán quan điểm xây dựng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, Nghị quyết Đại hội II (2/1951) của Đảng khẳng định: “Tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, đồng thời nghiêm trị những kẻ lợi dụng tôn giáo mà phản quốc” (7). Trong buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam (ngày 3/3/1951), Đảng tiếp tục khẳng định: “... vấn đề tôn giáo, thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người”.



Hình mang tính minh họa (ảnh: Internet)

Quán triệt chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều sắc lệnh, nghị định liên quan đến quyền tự do tôn giáo gắn với lợi ích dân tộc như: Sắc lệnh năm 1949 về *thuế đất và hoa màu cho các tôn giáo*; Nghị định số 315/TTg, ngày 4/10/1953, về *chính sách đối với tôn giáo*. Đặc biệt là Sắc lệnh số 234/SL, ngày

14/6/1955 về đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành. Nội dung những sắc lệnh trên khẳng định Đảng, chính phủ nhất quán chủ trương xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong đó đặc biệt quan tâm đến đoàn kết các tôn giáo. Đồng thời, Đây là những chủ trương thể hiện sự tiến bộ trong nhận thức vấn đề tôn giáo. Giá trị cốt lõi của những chủ trương về vấn đề tôn giáo được hoạch định trong giai đoạn chính quyền cách mạng non trẻ mới ra đời và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược tiếp tục khẳng định trong Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp sửa đổi, bổ sung năm 2013 và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác.

Như vậy, vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có Phật giáo đã được Đảng và Chính phủ quan tâm ngay từ những ngày đầu sau khi giành chính quyền. Với tinh thần đoàn kết lương - giáo, hòa hợp dân tộc, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập hợp được đông đảo chức sắc, tín đồ các tôn giáo cùng tham gia vào sự nghiệp cứu nước, kiến quốc. Bên cạnh đó, các chủ trương của Đảng về tôn giáo đã góp phần động viên, khuyến khích, giúp đỡ và tạo điều kiện cho đồng bào có đạo tham gia cách mạng, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Vai trò và đóng góp của Phật giáo trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

Lịch sử Việt Nam nói chung và lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng đã chứng minh những đóng góp quan trọng của Phật giáo trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Phật giáo Việt Nam tiếp tục nêu cao ngọn cờ yêu nước, kẻ vai sát cánh cùng toàn thể nhân dân cả nước đấu tranh giải phóng dân tộc.

Thứ nhất, quán triệt đường lối lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Phật giáo Việt Nam tích cực tham gia các phong trào cách mạng

Hưởng ứng, thực hiện chủ trương của Đảng, lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thông qua các chương trình hành động của Việt Minh: “đất nước độc lập”, “người cày có ruộng”, “tự do tín ngưỡng” đã đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của đồng bào Phật giáo. Phật giáo Việt Nam đã thành lập các tổ chức “Tăng già cứu quốc”, “Đoàn Phật giáo cứu quốc”, “Bộ đội Tăng già”, “Hội Phật giáo cứu quốc” các cấp để quy tụ, vận động và tổ chức cho tăng ni, Phật tử tham gia cách mạng, ủng hộ kháng chiến. Những tổ chức này hoạt động mạnh mẽ khắp ba miền Bắc - Trung - Nam, tập hợp đông đảo tăng ni, Phật tử tham gia cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo của các cao tăng như Phạm Thế Long, Thích Tâm An, Thích Thanh Chân..., Hội Phật giáo cứu quốc đã tiến hành nhiều hoạt động hướng về Nam Bộ như: gửi thư động viên tinh thần chiến đấu, quyên góp tiền ủng hộ đoàn quân Nam tiến, ủng hộ quỹ Nam Bộ kháng chiến, tổ chức truy điệu chiến sĩ trận vong Nam Bộ, hiến máu nhân đạo hướng về Nam Bộ... Năm 1947, Hội Phật giáo cứu quốc Nam Bộ được thành lập, do hòa thượng Thích Minh Nguyệt làm Hội trưởng. Ông tuyên bố: “Phật giáo Việt Nam chỉ bền vững và có ý nghĩa khi đã biết gắn mình vào với dân tộc Việt Nam, hòa mình trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, không thể khép kín hoặc tách rời cộng đồng đó. Đứng trước họa xâm lăng đương đe dọa Tổ quốc, người Phật tử không thể ngồi yên gõ mõ tụng kinh cầu nguyện, mặc cho kẻ thù đem súng đến tàn sát những người ruột thịt của mình. Có ý thức như vậy và hành động như vậy, Tăng ni, Phật tử mới thể hiện đúng tinh thần “vô ngã vị tha” của Đức Phật, nghĩa là người Phật tử luôn quên mình cứu độ chúng sinh”⁵. Các cao tăng Thích Trí Thủ, Thích Mật Thể và nhiều nhà sư khác tại Trung Bộ, tiêu biểu là ở Huế, đã gia nhập Mặt trận Việt Minh. Hội Phật giáo cứu quốc các cấp cũng được thành lập và hoạt động mạnh mẽ ở nhiều tỉnh, thành miền Trung. Các tăng sĩ trẻ như Thích Tâm Hoàn, Thích Kế Châu, Thích Huyền Quang,... đã cộng tác với một số đoàn viên Đoàn Phật học Đức dục (tiền thân của Gia đình Phật tử) và đã có nhiều hoạt động trong các tổ chức Phật giáo trên địa bàn.

Nhiều tăng ni, Phật tử đã hăng hái lên đường tòng quân đánh giặc, cứu nước. Nói đến lịch sử dân tộc Việt Nam thời kỳ này không thể không nói đến sự đóng góp to lớn của Phật giáo Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo và những tấm gương yêu nước của các vị cao Tăng, như: Hòa thượng Thích Tâm Thi, Hòa thượng Thích Thanh Lộc, Hòa thượng Thích Thanh Chân, Hòa thượng Thích Thế Long; Hòa thượng Thích Đôn Hậu; Hòa thượng Thích Thiện Hào; Hòa thượng Thích Tâm Thông; Hòa thượng Thích Thuận Đức...

Các Tăng Ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam đã tích cực hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Bác Hồ, tiêu biểu là sự kiện 27 nhà sư phát nguyện “cởi áo cà sa ra trận” tại chùa Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định vào ngày 27/02/1947, trở thành những chiến sĩ Vệ quốc đoàn kiên trung, sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc; sự kiện 15 sư tăng thuộc tổ chức Bộ đội Tăng già ở Thủy Nguyên, Hải Phòng tình nguyện nhập ngũ lên đường bảo vệ tổ quốc và trong trận chiến đấu bảo vệ cho chính nghĩa đó, 3 nhà sư đã anh dũng hy sinh. Trong hàng ngũ tự vệ xung phong tại thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình và huyện Gia Khánh (Hoa Lư, Ninh Bình ngày nay) có tới 60 sư ni làm công tác tiếp tế, tuần tra. Đa số họ trở thành y tá trong các đơn vị bộ đội chiến đấu hoặc hộ lý trong các trạm quân y... Có người sau khi hoàn thành nghĩa vụ công dân cao cả lại tiếp tục quay trở về tiếp tục cuộc sống tu hành.

Thứ hai, Các cơ sở tôn giáo trở thành hậu phương cách mạng

Nhiều cơ sở thờ tự của Phật giáo trên khắp mọi miền đất nước đã trở thành cơ sở cách mạng, nơi dự trữ quân lương, nuôi giấu cán bộ. Phong trào ủng hộ, tham gia kháng chiến lan rộng khắp các cơ sở Phật giáo ở các tỉnh, thành phố như: ở Hà Nội có chùa Quảng Bá, chùa Linh Quang, chùa Ngọc Hồi, chùa Tự Khánh, chùa Thanh Trì, chùa Sùng Giáo, chùa Diên Phúc; Hải Phòng có chùa Trại Sơn, chùa Trúc Động, chùa Vũ Lao; Nam Định có chùa Ninh Cường, chùa Cổ Lễ, chùa Vọng Cung; Ninh Bình có chùa Hoa Sơn (là nơi đặt sở chỉ huy hai chiến dịch Quang Trung và Tây Nam Ninh Bình, nơi làm việc của Tỉnh ủy Ninh Bình), Chùa Bích Động (là nơi đặt công binh xưởng chế tạo vũ khí đánh giặc); ở Kiên Giang, Chùa Tam Bảo, trụ sở Hội Phật học kiêm tế của Thiền sư Thích Thiện Chiếu trở thành nơi cất giấu vũ khí, nuôi giấu cán bộ kháng chiến. Bản thân Thiền sư thì bị đày ra nhà tù Côn Đảo và bị tra tấn dã man, nhưng vẫn một lòng trung kiên với cách mạng.

Thứ ba, Phật giáo đã đóng góp về tư tưởng và giáo dục

Bên cạnh nhiệm vụ tham gia kháng chiến để bảo vệ Tổ quốc, Phật giáo Việt Nam vẫn không quên lời dạy của Đức Bổn sư: “Duy tuệ thị nghiệp” (lấy trí tuệ làm sự nghiệp) và thực hiện lời dạy của Bác Hồ, đó là muốn kiến thiết đất nước thì phải diệt được 3 loại giặc: “Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm”, các ngôi chùa của Phật giáo đã trở thành các trường học dạy chữ cho Nhân dân, nhà sư trở thành thầy giáo; phát động phong trào làm việc thiện; tích cực sản xuất, ủng hộ lương thực, thực phẩm cho kháng chiến góp phần nâng cao dân trí, đẩy phong trào cách mạng chống “giặc dốt” lên cao.



(Ảnh: Internet)

Không chỉ trực tiếp tham gia chiến đấu, Phật giáo Việt Nam còn phát động phong trào chấn hưng Phật giáo. Đây không chỉ là việc đạo mà còn với mục đích chấn hưng tư tưởng của một bộ phận Tăng Ni, Phật tử đặc biệt là lớp trẻ lúc bấy giờ, hướng họ không sa đà vào những hoạt động mê tín dị đoan, sống cuộc sống vật chất, thực dụng, thiếu lý tưởng do luồng tư tưởng của chủ nghĩa thực dân mang lại. Cuộc vận động chấn hưng trong Phật giáo đã thức tỉnh nhiều nhà trí thức, làm dấy lên làn sóng đề cao tinh thần văn hóa dân tộc trên cả nước, làm sống lại tinh thần dân tộc, loại trừ mê tín dị đoan, Đây cũng là một trong những yếu tố góp phần đẩy mạnh phong trào cách mạng lên cao, sớm đi đến sự kết thúc địa vị của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Thứ tư, Phật giáo đã đóng góp vật chất ủng hộ phong trào cách mạng

Phật giáo đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc sản xuất cơ sở vật chất, đặc biệt là tại Nam Bộ. Thực hiện lời kêu gọi của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện “Tiêu thổ kháng chiến”, Hội Phật giáo đã tích cực ủng hộ kháng chiến bằng cách phá dỡ các cơ sở vật chất của Phật giáo, bao gồm cả và nhiều cơ sở vật chất khác của Phật giáo để ủng hộ kháng chiến chống thực dân Pháp. Ngoài ra, việc thành lập Hội Phật giáo cứu quốc Nam Bộ năm 1947 cũng thể hiện tinh thần đoàn kết và quyết tâm của Phật giáo trong việc chung sức cùng dân tộc chống lại thực dân Pháp

Bên cạnh đó Tăng Ni, Phật tử còn tích cực tăng gia sản xuất, ủng hộ cho kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong lao động sản xuất, thực hiện nếp sống đạo

đức, văn hóa. Nhiều tăng ni, Phật tử đã đóng góp tiền của, lương thực, thực phẩm, thuốc men và các vật dụng cần thiết khác để hỗ trợ cho cuộc kháng chiến. Hội Phật giáo và các nhà sư đã sử dụng uy tín và ảnh hưởng của mình để tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia kháng chiến, ủng hộ kháng chiến, và đóng góp sức người, sức của cho cuộc chiến. Họ đã trở thành những người tiêu biểu, gương mẫu, là chỗ dựa đáng tin cậy của Phật giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Có thể khẳng định rằng, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Phật giáo Việt Nam đã đóng góp nhiều hoạt động góp phần đưa cuộc kháng chiến của dân tộc đi đến thắng lợi. Đóng góp của Phật giáo là những minh chứng cho tinh thần yêu nước chân chính của Phật giáo Việt Nam hòa mình trong dòng chảy lịch sử dân tộc. Nhận định về vai trò và những đóng góp của Phật giáo Việt Nam đối với cách mạng và dân tộc, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã phát biểu trong buổi tiếp Đại biểu Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam tại Phủ Chủ tịch: “Trong quá khứ, Phật giáo Việt Nam đã gắn chặt với dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Phật giáo Việt Nam không chỉ đồng tâm, góp sức ủng hộ kháng chiến giành độc lập dân tộc mà còn hướng tín đồ tới cuộc đời tốt đẹp, xây dựng xã hội văn minh, giàu đẹp, đúng như tinh thần “âm thầm giữ gìn đạo mạch trong cơn binh lửa và ủng hộ Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh”.

3. Phật giáo Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Đạo Phật có sự tương đồng giữa giáo lý “Từ bi - Hỷ xả”, “Cứu khổ cứu nạn” của Phật giáo với tư tưởng, tình cảm và truyền thống nhân văn của người Việt nên đạo Phật đã luôn gắn bó, đồng cam cộng khổ cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Ngay từ buổi đầu mới được truyền vào nước ta, Phật giáo đã được các bậc Tổ sư tiên bối tiếp thu một cách có chọn lọc, dựa trên các điều kiện cụ thể của nước nhà để hoằng dương Phật pháp, lợi lạc quần sinh và tạo nên một đạo Phật rất Việt Nam gắn bó mật thiết không thể phân ly trong lòng dân tộc.

Phật giáo ảnh hưởng đến xã hội qua hệ thống giáo lý, giới luật của mình. Đồng thời, qua các thiết chế văn hóa, cơ sở thờ tự, đội ngũ tín đồ... Vì vậy, Phật giáo là một chủ thể xã hội, giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững và thiết lập nền tảng tinh thần và vật chất xã hội. Bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - Phật giáo Việt Nam có được cơ duyên thuận lợi. Đó là có một tổ chức Giáo hội thống nhất về tổ chức và lãnh đạo, thống nhất về

tư tưởng và hành động mà chưa có Phật giáo nước nào trên thế giới có được. Đây là sức mạnh nội lực để Giáo hội tiếp tục thực hiện các Phật sự cao cả theo tâm nguyện của chư Tổ, đồng thời bảo tồn và phát huy tinh hoa Phật giáo Việt Nam trong thời đại mới.

Để tiếp tục phát huy vai trò của mình trong kỷ nguyên mới, Phật giáo Việt Nam cần đặc biệt quan tâm, làm tốt các mặt công tác như: Công tác giáo dục đạo đức Phật giáo, Công tác xã hội Phật giáo và Tư tưởng đạo đức gia đình Phật giáo. Đây là ba phương diện công tác căn bản đồng hành của Phật giáo trong sự nghiệp phát triển, đổi mới của đất nước Việt Nam trong lịch sử và hiện tại.

Công tác giáo dục đạo đức Phật giáo hướng tới truyền đạt tư tưởng triết học, kinh nghiệm tu tập, phép tắc, lễ nghi và hình thức tổ chức... cho các thế hệ tiếp theo. Đây cũng chính là cách để Phật giáo duy trì và tồn tại. Trong xu thế phát triển và đổi mới của đất nước trong kỷ nguyên mới, công tác giáo dục đạo đức Phật giáo phải hướng tới mục tiêu duy trì nền đạo đức xã hội, khơi dậy truyền thống yêu nước, truyền đạt những tinh hoa cho các thế hệ sau và xây dựng đạo đức Phật giáo cho mọi người. Làm tốt công tác giáo dục đạo đức Phật giáo góp phần tích cực trong xây dựng một nền tảng đạo đức mới cho xã hội trên cơ sở kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống đã được đặt ra. Thực tế đã chứng minh, đạo đức Phật giáo phù hợp với đạo đức lễ sống của con người Việt Nam. Những chuẩn mực của đạo đức Phật giáo vẫn đang có những đóng góp cho việc duy trì một nền đạo đức xã hội, khơi dậy truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, tương thân, tương ái trong cộng đồng, xây dựng con người Việt Nam đạo đức và văn hoá tốt đẹp

Về công tác xã hội, Phật giáo là nguồn lực rất mạnh khi tham gia vào hoạt động công tác xã hội điều đó đã được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam ghi nhận. *“Tự viện Phật giáo không chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo dành cho tín đồ mà còn được xem là nơi cung cấp các dịch vụ phúc lợi xã hội chính thức và phi chính thức”* (8). Ở Việt Nam, hoạt động từ thiện xã hội của Phật giáo Việt Nam được xem như là một trong những cách thức thực hiện trách nhiệm xã hội, thực hiện chức năng liên kết xã hội. Trong bối cảnh tình hình mới, Trong công tác xã hội, Phật giáo Việt Nam cần lan tỏa để vận động nhân dân hưởng ứng và luôn nghĩ đến “cứu nhân hơn cứu quả”, Phật giáo nên hướng đến hỗ trợ chính quyền địa phương xây dựng các tiêu chí nếp sống văn minh đô thị, tiêu chí nông thôn mới ... xây dựng trường học, góp quỹ khuyến học, khuyến tài, mở phòng khám trị bệnh miễn phí, mở nhà trẻ, trung tâm chăm sóc người già neo đơn, xây cầu đường giao thông, xây nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa quân dân, nhà tình nghĩa... có như vậy, Phật giáo mới đem tinh thần Từ, Bi, Hỷ, Xả, phụng sự chúng sanh để làm tốt công tác xã hội góp phần phát triển và đổi

mới đất nước.

Tư tưởng đạo đức gia đình Phật giáo là những quan điểm, quan niệm của Phật giáo về những chuẩn mực trong các mối quan hệ trong gia đình, nhằm đem lại sự bình an hạnh phúc trong cuộc sống qua đó làm nền tảng giúp xã hội phát triển, vì mỗi con người là mỗi nhân tố của xã hội, con người có an lạc hạnh phúc thì xã hội mới phát triển vững mạnh. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và việc tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường dẫn đến những vấn đề tiêu cực, suy thoái về đạo đức, luân thường đạo lý bị đảo lộn gây bất ổn trong đời sống văn hóa gia đình và xã hội. Một trong những biểu hiện đáng lo ngại đó chính là các mối quan hệ, cách ứng xử giữa các thành viên trong gia đình trở nên lỏng lẻo hơn, các tệ nạn bạo lực gia đình, bạo lực học đường v.v.. đã trở thành mối lo âu cho xã hội. Vì chạy theo lối sống thực dụng, lấy mình làm trung tâm mà tuổi trẻ ngày nay đang dần quay lưng với các giá trị, chuẩn mực đạo đức của gia đình truyền thống. Trước hiện trạng ấy, việc áp dụng giáo lý Phật giáo nhằm rèn luyện đạo đức, giáo dục giới tính, hôn nhân gia đình là điều thiết thực để giải quyết những mối mâu thuẫn xung đột trong đời sống gia đình và xã hội. Vì vậy, công tác giáo dục tư tưởng đạo đức gia đình Phật giáo cần được chú trọng, phát triển mạnh mẽ. Gia đình có bền vững thì xã hội mới ổn định và đất nước mới phát triển tốt đẹp.

Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, khi khát vọng đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển không còn là mơ ước mà đã trở thành chiến lược, thì việc chăm lo cho đời sống tinh thần, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa, tâm linh truyền thống như Phật giáo chính là đầu tư cho tương lai lâu dài. Phật giáo không dừng lại ở mái chùa, lễ nghi hay kinh sách, mà đang và sẽ tiếp tục hiện diện trong từng hành động tử tế, từng quyết định đầy trách nhiệm, từng chính sách nhân văn vì con người, vì cộng đồng. Và chính điều đó đã, đang và sẽ làm nên bản lĩnh Việt Nam - một dân tộc biết ngẩng cao đầu giữa thế giới, một dân tộc biết lắng nghe tiếng lòng của chính mình từ những giá trị cao đẹp mà Phật giáo đã đem lại cho đất nước.

Tác giả: **TS. Trần Hồng Quyền (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Khoa Lý luận chính trị & KHXHNV, Học viện An ninh nhân dân.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 2, tr. 231.

3) Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 8

4) Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: Hiến pháp năm 1946, ngày 9-11-1946

5) Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 534

6) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2001, T. 7, tr. 50

7) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2002, T. 12, tr. 440

8) Canda and Furman, 2010

Tài liệu tham khảo:

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 2, tr. 231.

[2]. Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 8

[3]. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: Hiến pháp năm 1946, ngày 9-11-1946

[4], [5]. Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 534

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2001, T. 7, tr. 50

[7]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2002, T. 12, tr. 440

[8]. Canda and Furman, 2010